

UNIT 7: WHAT DOES A ROUTINE LOOK LIKE?

Lesson 19: Numeracy

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh hiểu về cách biểu diễn và ý nghĩa của số 80.

II. Key vocabulary:

10

Ten
(Số mười)



20

Twenty
(Số hai mươi)



30

Thirty
(Số ba mươi)



40

Forty
(Số bốn mươi)



50

Fifty

(Số năm mươi)



60

Sixty

(Số sáu mươi)



70

Seventy

(Số bảy mươi)



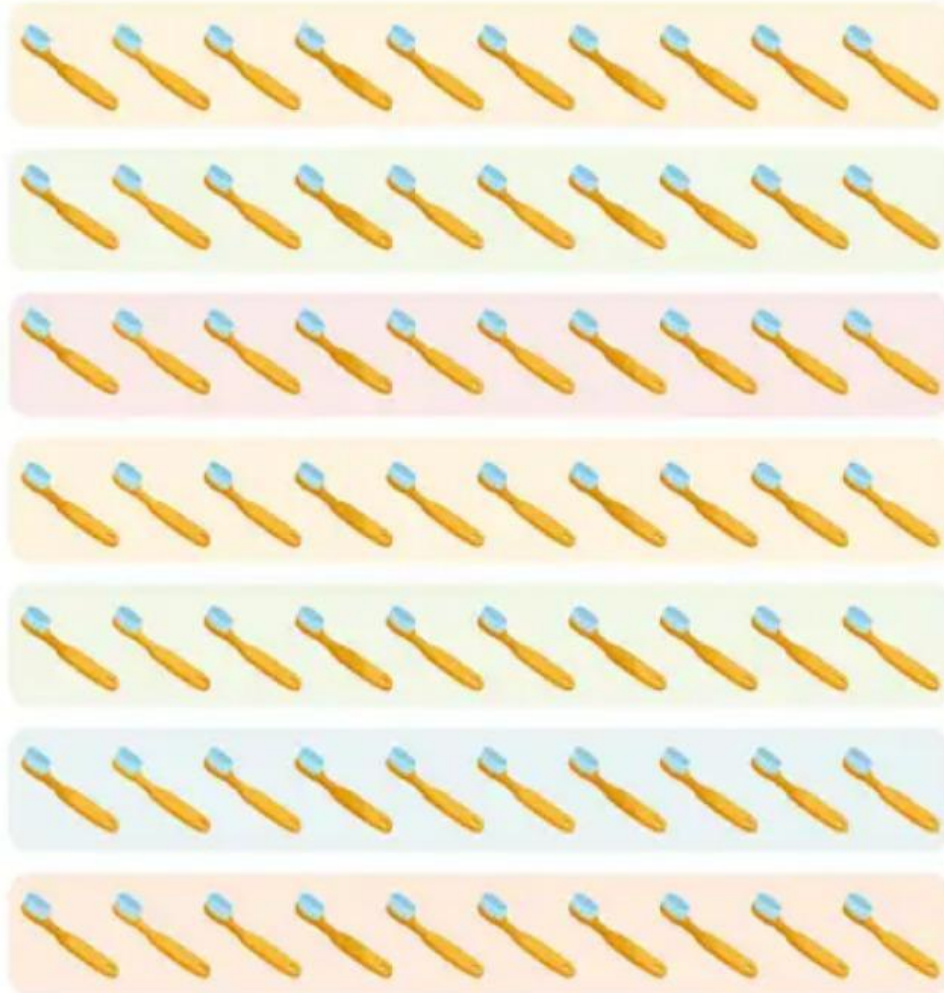
80

Eighty

(Số tám mươi)



III. Key language:



How many (toothbrushes) can you see? Let's count by tens. Sets of ten. Eight sets of ten.

